

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **105/2021/HNGĐ-ST**

Ngày 12/8/2021

“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ong Thân Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Chiến, bà Lê Thị Minh Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Thìn- Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 12/8/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 129/2020/TLST-HNGĐ ngày **12/10/2020** về việc “Ly hôn”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử **số: 77/2021/QĐXX-ST** ngày **01/7/2021**, quyết định hoãn phiên tòa **số: 75/2021/QĐ-ST** ngày **12/7/2021** giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Ngõ 19, đường N, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

(Xin vắng mặt)

*** Bị đơn:** Anh Li Tung M, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Tầng 4, số nhà 51, phố K, tổ 021, phường T, khu T, thành phố Đ, Đài Loan

(Vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tháng 03 năm 2017 chị có sang Đài Loan lao động theo dạng giúp việc gia đình. Trong thời gian này chị có quen biết anh Li Tung M. Qua tìm hiểu được biết anh Li Tung M không có vợ nên anh Li Tung M và chị quyết định tiến tới hôn nhân. Sau đó chị và anh Li Tung M làm thủ tục đăng ký kết hôn ngày 25/01/2019 tại UBND huyện H, tỉnh Bắc Giang.

Với mong muốn sang Đài Loan sinh sống với anh Li Tung M chị đã đến Văn phòng kinh tế và Văn hóa Đ tại Hà Nội phỏng vấn để xin cấp visa nhưng đều bị từ chối. Ngoài ra thời gian gần đây qua một người bạn ở Đài Loan chị biết được ngoài

đăng ký kết hôn với chị ở Việt Nam, anh Li Tung M trước đó có quan hệ với người phụ nữ khác và người phụ nữ này đang ở nhà riêng với anh Li Tung M. Ngoài ra trong quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Li Tung M thì có nhiều mâu thuẫn, chị không biết được địa chỉ của anh Li Tung M.

Nay xác định tình cảm không còn, đời sống chung không có, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị được ly hôn với anh Li Tung M.

- Về con chung: chị T và anh Li Tung M không có con chung.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Trong thời gian chung sống vợ chồng chị có mua được 01 thửa đất số 44, tờ bản đồ: 22, diện tích: 2535.0m². Địa chỉ thửa đất tại thôn A, xã L, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CH 04846 được UBND thành phố Chí Linh cấp ngày 29/11/2019. Do anh Li Tung M không được đứng tên làm thủ tục thửa đất nên vợ chồng chị thống nhất để bố mẹ đẻ của chị là ông Nguyễn Xuân Đ, bà Nguyễn Thị T (địa chỉ: Thị trấn T, huyện H, tỉnh Bắc Giang) đứng tên mua đất và làm thủ tục tặng cho chị. Hiện bản gốc giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất anh Li Tung M đã đem về Đài Loan. Căn cứ vào giá trị thửa đất, xét hoàn cảnh của chị gặp nhiều khó khăn: Không việc làm, không nhà ở phải ở chung với bố mẹ đẻ. Chị xin giữ lại thửa đất làm nơi ở và sử dụng trồng cây để đảm bảo cuộc sống hằng ngày. Chị xin chuyển cho anh Li Tung M số tiền 100.000.000 đồng trong phần góp vốn vào tài sản chung của vợ chồng.

* Bị đơn là anh Li Tung M có địa chỉ tại Đài Loan, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã ban hành văn bản ủy thác tư pháp số 33/UTTPDS-TA5 ngày 12/10/2020 gửi Bộ Tư pháp về việc tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và lấy lời khai của đương sự theo quy định của pháp luật (Hồ sơ ủy thác tư pháp số 34/UTTPDS-TA5 ngày 12/10/2020).

Tại công văn số 1124/BTP-PLQT ngày 06/5/2021 của Bộ Tư pháp gửi Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang thể hiện nội dung: “Bộ Tư pháp đã nhận được Văn bản số 1100651056 ngày 01/4/2021 của Bộ Tư pháp lãnh thổ Đài Loan thông báo kết quả thực hiện ủy thác tư pháp theo đề nghị của Quý cơ quan tại công văn số 33/UTTPDS-TA5 ngày 12/10/2020 đối với đương sự Li Tung M có địa chỉ tại Đài Loan. Theo đó, cơ quan có thẩm quyền của lãnh thổ Đài Loan đã thực hiện ủy thác tư pháp nêu trên vào ngày 26/3/2021 bằng phương thức: Chuyển cho người sống cùng đương sự”.

Bộ Tư pháp xin gửi văn bản nói trên và các tài liệu kèm theo đề Quý cơ quan giải quyết theo thẩm quyền”.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn là anh Li Tung M không có văn bản thể hiện quan điểm về yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T. Anh Li Tung M cũng vắng mặt không có lý do trong quá trình Tòa án thông báo, triệu tập đến giải quyết vụ án.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Nguyễn Thị T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Li Tung M đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) công bố đơn khởi kiện; bản tự khai của chị Nguyễn Thị T; tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự: Đối với Thẩm phán, Thư ký, HĐXX chấp hành đúng quy định của pháp luật; về phía các đương sự thì chị Nguyễn Thị T chấp hành đúng quy định pháp luật, anh Li Tung M không chấp hành quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xét mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng, đời sống chung không có, mục đích của hôn nhân không đạt được, đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56-Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 giải quyết cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Li Tung M;

+ Về con chung: chị Nguyễn Thị T khai không có con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

+ Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Theo đơn khởi kiện chị Nguyễn Thị T có yêu cầu giải quyết chia tài sản chung là 01 thửa đất số 44, tờ bản đồ: 22, diện tích: 2535.0m². Địa chỉ thửa đất tại thôn A, xã L, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CH 04846 được UBND thành phố Chí Linh cấp ngày 29/11/2019 đứng tên chủ sử dụng đất là ông Nguyễn Xuân Đ, bà Nguyễn Thị T (địa chỉ: Thị trấn T, huyện H, tỉnh Bắc Giang). Ngày 02/11/2020 chị Nguyễn Thị T có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về phân chia tài sản. Việc rút đơn là tự nguyện không bị đe dọa ép buộc, vụ án không có yêu cầu độc lập, phản tố đối với thửa đất nêu trên. Do đó, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 217- Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của chị Nguyễn Thị T.

+ Về chi phí tố tụng: chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn, chi phí uỷ thác tư pháp theo quy định của pháp luật. Hoàn trả chị Nguyễn Thị T tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị T là công dân Việt Nam, cư trú tại Ngõ 19, đường N, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam. Hiện chị Nguyễn Thị T có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Li Tung M. Anh Li Tung M là công dân có quốc tịch: Trung Quốc hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan, cư trú tại địa chỉ: Tầng 4, số nhà 51, phố K, tổ 021, phường T, khu T, thành phố Đ, Đài Loan. Như vậy, Tòa án xác định đây là vụ án tranh chấp “ly hôn” có đương sự là người nước ngoài, đang cư trú ở nước ngoài và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản

1, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 127- Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2]. Về việc đương sự vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án đã ban hành văn bản tố tụng và gửi cho các đương sự về thời gian xét xử vụ án. Chị Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Li Tung M vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 và điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 1, khoản 3, Điều 228; Điều 238; điểm b, khoản 5, Điều 477- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quyết định xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị T và anh Li Tung M.

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

[3.1]. Chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Li Tung M kết hôn trên cơ sở có được tự do tìm hiểu, tự nguyện, làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND huyện Hiệp Hòa tỉnh Bắc Giang, Việt Nam ngày 25/01/2019. Quá trình chung sống quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Li Tung M thì có nhiều mâu thuẫn, chị không biết được địa chỉ của anh Li Tung M. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Li Tung M.

[3.2]. Hội đồng xét xử thấy: Chị Nguyễn Thị T và anh Li Tung M kết hôn trên cơ sở có được tự do tìm hiểu, tự nguyện, làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND huyện Hiệp Hòa tỉnh Bắc Giang, Việt Nam ngày 25/01/2019. Do vậy HĐXX xác định quan hệ hôn nhân của chị Nguyễn Thị T và anh Li Tung M là hợp pháp. Hiện nay anh Li Tung M và chị Nguyễn Thị T mỗi người sống một nơi, xa cách về địa lý và không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống nữa, vợ chồng mâu thuẫn cắt đứt liên lạc. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình (Việt Nam) thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng chị Nguyễn Thị T, anh Li Tung M đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị T và anh Li Tung M được xác định là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, HĐXX căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56- Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Li Tung M.

[4]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị T trình bày không có con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

[5]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản:

[5.1]. Tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T khai trong thời gian chung sống vợ chồng chị có mua được 01 thửa đất số 44, tờ bản đồ: 22, diện tích: 2535.0m². Địa chỉ thửa đất tại thôn A, xã L, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Giấy chứng nhận QSDĐ số CH 04846 được UBND thành phố Chí Linh cấp ngày 29/11/2019. Do anh Li Tung M không được đứng tên làm thủ tục thửa đất nên vợ chồng chị thống nhất để bố mẹ đẻ chị T là ông Nguyễn Xuân Đ, bà Nguyễn Thị T (địa chỉ: Thị trấn T, huyện H, tỉnh Bắc Giang) đứng tên mua đất và làm thủ tục tặng cho chị. Hiện bản gốc giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất anh Li Tung M đã đem về Đài Loan.

Căn cứ vào giá trị thửa đất, xét hoàn cảnh của chị gặp nhiều khó khăn: Không việc làm, không nhà ở phải ở chung với bố mẹ đẻ. Chị Tình xin giữ lại thửa đất làm nơi ở và sử dụng trồng cây để đảm bảo cuộc sống hằng ngày. Chị xin chuyển cho anh Li Tung M 100.000.000 đồng trong phần góp vốn vào tài sản chung của vợ chồng. Tuy nhiên ngày 02/11/2020 chị Nguyễn Thị T có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về phân chia tài sản chung của vợ chồng.

[5.2]. HĐXX thấy: Việc rút yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T là tự nguyện, không bị đe dọa, ép buộc. Vụ án không có yêu cầu phản tố, không có yêu cầu độc lập liên quan đến thửa đất nêu trên. Do vậy cần chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T. Căn cứ Điều 217, Điều 218, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về phân chia tài sản chung của vợ chồng. Sau này nếu có tranh chấp các bên có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

[5.3]. Nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Nguyễn Thị T khai không có nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[6]. Về chi phí tố tụng:

[6.1]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5, Điều 27-Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang theo biên lai số AA/2018/0000713 ngày 12/10/2020. Xác nhận chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

[6.2]. Về lệ phí ủy thác tư pháp: Căn cứ quy định tại Điều 151; khoản 3, Điều 153; Điều 154- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xử lý như sau:

- Về lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 200.000 đồng tiền lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài nhưng được trừ vào số tiền 200.000 đồng tiền lệ phí ủy thác đã nộp tại biên lai số AA/2018/0000712 ngày 12/10/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Nguyễn Thị T đã thi hành xong lệ phí dân sự sơ thẩm.

- Về lệ phí ủy thác bản án ra nước ngoài: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 200.000 đồng tiền lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài nhưng được trừ vào số tiền 200.000 đồng tiền lệ phí ủy thác đã nộp tại biên lai số: 0000095 ngày 11/8/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Nguyễn Thị T đã thi hành xong lệ phí dân sự sơ thẩm.

[7]. Quyền kháng cáo bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56; khoản 2, Điều 123; Điều 127- Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37; khoản 4, Điều 147; Điều 151; khoản 3, Điều 153; Điều 154; Điều 217, Điều 218, khoản 1 và điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 1, khoản 3, Điều 228; Điều 238; Điều 244, Điều 271; Điều 273; điểm b, khoản 5, Điều 477; khoản 2, Điều 479 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5, Điều 27-Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Li Tung M.

2. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T về phân chia tài sản chung là 01 thửa đất số 44, tờ bản đồ: 22, diện tích: 2535.0m². Địa chỉ thửa đất tại thôn A, xã L, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CH 04846 được UBND thành phố Chí Linh cấp ngày 29/11/2019.

3. Về chi phí tố tụng:

- Về án phí sơ thẩm: chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang theo biên lai số AA/2018/0000713 ngày 12/10/2020. Xác nhận chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

- Về lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 200.000 đồng tiền lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài nhưng được trừ vào số tiền 200.000 đồng tiền lệ phí ủy thác đã nộp tại biên lai số AA/2018/0000712 ngày 12/10/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Nguyễn Thị T đã thi hành xong lệ phí dân sự sơ thẩm.

- Về lệ phí ủy thác bản án ra nước ngoài: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 200.000 đồng tiền lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài nhưng được trừ vào số tiền 200.000 đồng tiền lệ phí ủy thác đã nộp tại biên lai số: 0000095 ngày 11/8/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Nguyễn Thị T đã thi hành xong lệ phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

- Anh Li Tung M cư trú ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Chị Nguyễn Thị T hiện cư trú tại Việt Nam, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- UBND huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Ong Thân Thắng